

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21DT

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/06/2022Phòng thi: Đ71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh cni
1	115221002	Hà Huy	Bằng	17/09/2003	Nam	7,5	3,8	5,7	001		
2	115221007	Lương Gia	Huy	27/08/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	002		
3	115221012	Lâm Quốc	Kiên	28/05/2003	Nam	7,5	3,5	5,5	003		
4	115221013	Dương Tấn	Lộc	15/03/2003	Nam	7,5	5,0	6,3	004		
5	115221015	Lê Thị Trúc	Ly	28/06/2002	Nữ	8,5	5,8	7,2	005		
6	115221016	Mai Thiện	Nhân	11/03/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	006		
7	115221018	Trương Thanh	Phong	08/03/2003	Nam	7,5	5,3	6,4	007		
8	115221019	Nguyễn Trọng	Phúc	26/10/2003	Nam	9,0	5,0	7,0	008		
9	115221020	Tạ Trường	Thịnh	03/09/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	009		
10	115221021	Hứa Văn Quách	Tinh	01/01/2003	Nam	7,5	6,3	6,9	010		
11	115221022	Trần Văn	Vũ	09/12/2003	Nam	/	/	/	/	/	vắng
12	115221023	Lý Gia	Kiệt	21/01/2003	Nam	/	/	/	/	/	vắng
13	115221024	Lê Tấn	Lộc	27/01/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	013		5,9
14	115221026	Trần Võ Anh	Khoa	24/10/2003	Nam	7,5	2,5	5,0	014		
15	115221027	Đỗ Huỳnh Quốc	Huy	09/06/2003	Nam	/	/	/	/	/	vắng
16	115221028	Hà Phước	Lộc	26/02/2002	Nam	7,5	4,8	6,2	016		
17	115221030	Nguyễn Thị Mỹ	Tiền	17/07/2003	Nữ	8,3	4,3	6,3	017		6,3
18	115221031	Võ Hồng	Phúc	20/01/2003	Nam	/	/	/	/	/	vắng
19	115221037	Nguyễn Phú	Hào	25/10/2003	Nam	9,8	4,0	6,4	019		6,4
20	115221038	Huỳnh Lê Phước	Đạt	15/10/2003	Nam	/	/	/	/	/	vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Quốc HùngĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Trần Quốc HùngTrần Quốc Hùng

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21DT

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....16...../.....6...../.....22.....

Phòng thi:.....071.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115221039	Nguyễn Phúc Hậu	30/10/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....*Nguyễn Phúc Hậu*.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 02... tháng 0... năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....*Nguyễn Văn Sơn*.....

Cán bộ kiểm tra:.....*Nguyễn Thị Linh*.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

16/6

DT1-108

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21XD

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 6 / 2022

Phòng thi: DT1-108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111721001	Từ Trọng Đạt	10/04/2002	Nam	7.5	—	—	—	—	—	—
2	111721002	Đỗ Trí Đông	12/01/2003	Nam	8.0	3.3	5.7	—	—	—	—
3	111721003	Nguyễn Trường Duy	31/10/2003	Nam	—	—	—	—	—	—	—
4	111721004	Trần Hải Hưng	04/05/2003	Nam	—	—	—	—	—	—	—
5	111721005	Võ Nguyễn Gia Huy	20/04/2003	Nam	8.5	2.0	5.3	—	—	—	—
6	111721006	Nguyễn Tuấn Kha	30/01/2003	Nam	8.8	3.5	6.2	—	—	—	—
7	111721007	Trần Chí Khang	16/08/2003	Nam	8.3	4.3	6.3	—	—	—	—
8	111721008	Lý Quốc Khánh	02/09/2003	Nam	8.3	—	—	—	—	—	—
9	111721009	Trần Tuấn Kiệt	15/03/2003	Nam	8.0	3.5	5.8	—	—	—	—
10	111721010	Cao Văn Mãi	05/09/2003	Nam	8.0	2.5	5.3	—	—	—	—
11	111721011	Lâm Phương Nam	06/04/2003	Nam	8.0	3.3	5.7	—	—	—	—
12	111721012	Nguyễn Hoài Ngoan	17/06/2003	Nam	8.0	3.8	5.9	—	—	—	—
13	111721013	Thạch Anh Như	29/08/2003	Nam	8.0	3.0	5.5	—	—	—	—
14	111721014	Thạch Rac Sa	15/08/2000	Nam	8.0	2.3	5.2	—	—	—	—
15	111721015	Thạch Ra Si	12/12/2001	Nam	7.5	3.8	5.7	—	—	—	—
16	111721016	Trần Triệu Tân	30/10/2003	Nam	8.0	4.5	6.3	—	—	—	—
17	111721017	Diệp Bích Thanh	29/05/1999	Nữ	8.0	5.3	6.7	—	—	—	—
18	111721018	Thạch Ngọc Thê	28/10/2002	Nam	—	—	—	—	—	—	—
19	111721020	Phan Huỳnh Thanh Tiến	25/12/2001	Nam	—	—	—	—	—	—	—
20	111721022	Nguyễn Tấn Vinh	16/09/2003	Nam	8.0	2.8	5.4	—	—	—	—

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21XD

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....16...../.....6...../.....2021.....

Phòng thi:.....D71.109.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh
1	111721024	Mai Bảo Yến	19/10/2003	Nữ	8.0	5.3	6.7	001	<i>[Signature]</i>		
2	111721025	Nguyễn An Khánh	02/12/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
3	111721026	Mã Minh Tâm	07/11/2003	Nam	7.5	2.0	4.8	003	<i>[Signature]</i>		
4	111721027	Kim Thanh Nhật	20/01/2002	Nam	—	—	—	—	—		
5	111721028	Sơn Khem Ma Ra	09/11/2003	Nam	8.0	3.8	5.9	005	<i>[Signature]</i>		
6	111721029	Lâm Hà Huy Hùng	21/01/2003	Nam	7.5	—	—	—	—		
7	111721031	Lê Minh Kha	03/05/2003	Nam	7.5	4.0	5.8	007	<i>[Signature]</i>		
8	111721032	Thạch Minh Châu	29/09/2003	Nam	7.5	—	—	—	—		
9	111721033	Châu Quốc Bảo	23/10/2003	Nam	—	—	—	—	—		
10	111721034	Trần Dương Tuấn Anh	16/11/2003	Nam	7.5	3.5	5.5	010	<i>[Signature]</i>		
11	111721035	Mai Quang Đại	23/07/2002	Nam	7.8	2.5	5.2	011	<i>[Signature]</i>		
12	111721036	Ngô Kim Bảo	25/05/2003	Nam	7.5	3.5	5.5	012	<i>[Signature]</i>		
13	111721052	Trịnh Hoàng Minh	18/04/2003	Nam	8.0	4.8	6.4	013	<i>[Signature]</i>		
14	111721053	Kim Trọng	01/06/2003	Nam	7.5	3.8	5.7	014	<i>[Signature]</i>		
15	111721054	Huỳnh Dư Hoài	01/01/2003	Nam	7.5	—	—	—	—		
16	111721056	Nguyễn Trường Kha	10/11/2003	Nam	7.5	4.0	5.8	016	<i>[Signature]</i>		
17	111721057	Thái Minh Thiện	19/05/1997	Nam	8.0	—	—	—	—		
18	111721058	Trần Việt Hào	06/07/2000	Nam	8.0	2.5	5.3	018	<i>[Signature]</i>		
19	111721059	Đặng Minh Quang	05/03/2003	Nữ	7.5	3.0	5.3	019	<i>[Signature]</i>		
20	111721060	Nguyễn Trần Nhị Linh	18/08/2003	Nam	—	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....17.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....12.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

[Signature] Nguyễn Dương Tuấn Anh

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 10..... tháng 8..... năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....

[Signature]

Cán bộ kiểm tra:.....

[Signature] Sơn Sơn La
[Signature] Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21TCNHA

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: 7.17

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/06/2022Phòng thi: D71, 104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114521001	Hồ Văn Anh	22/11/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	001	<u>parae</u>		
2	114521003	Nguyễn Khánh Duy	17/01/2003	Nam	7,5	3,5	5,5	002	<u>Duy</u>		
3	114521005	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	27/12/2003	Nữ	7,8 8,5	4,0	5,9 6,5	003	<u>Hân</u>		7,8 5,9
4	114521008	Đặng Quốc Huy	20/09/2003	Nam	7,5	3,3	5,4	004	<u>Huy</u>		
5	114521012	Dương Ngọc Lan	17/06/2003	Nữ	8,5	4,5	6,5	005	<u>Lan</u>		
6	114521013	Nguyễn Gia Linh	24/08/2003	Nữ	7,0	4,0	5,5	006	<u>Gia Linh</u>		
7	114521014	Lê Thị Cẩm Linh	06/10/2003	Nữ	7,0	—	—	—	—		
8	114521021	Phan Hoài Nam	05/02/2003	Nam	7,0	2,8	4,9	008	<u>Phan</u>		
9	114521022	Lê Thị Thuý Nga	16/06/2003	Nữ	7,0	4,3	5,7	009	<u>Thuý Nga</u>		
10	114521023	Lê Thị Tuyết Ngân	18/10/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
11	114521024	Trần Kim Ngân	04/04/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	011	<u>Ngân</u>		
12	114521025	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	22/11/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	012	<u>Phan</u>		
13	114521026	Diệp Hồng Ngọc	12/08/2003	Nữ	7,0	4,8	5,9	013	<u>Diệp</u>		
14	114521027	Phan Linh Nguyên	03/04/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	014	<u>Phan</u>		
15	114521029	Nguyễn Lê Uyên Nhi	19/05/2002	Nữ	7,5	3,5	5,5	015	<u>Nhi</u>		
16	114521030	Lâm Ngọc Quỳnh Như	21/12/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	016	<u>Quỳnh</u>		
17	114521031	Phạm Hồng Nhung	25/12/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	017	<u>Phạm</u>		
18	114521033	Nguyễn Thị Yến Pha	28/09/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	018	<u>Pha</u>		
19	114521034	Lê Trúc Phương	04/04/2003	Nữ	7,5	5,3	6,4	019	<u>Trúc</u>		
20	114521035	Huỳnh Thị Diễm Phương	10/12/2003	Nữ	7,8 8,5	4,0	5,9 6,5	020	<u>Phu</u>		7,8 5,9

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 08 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21TCNHA

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 6 / 2022Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114521036	Khuru Trần Si	Quý	17/01/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	001	<u>Si</u>	
2	114521038	Nguyễn Thành	Tấn	18/02/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	002	<u>An</u>	
3	114521039	Nguyễn Thị Kim	Thanh	07/04/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	003	<u>Thanh</u>	
4	114521040	Cao Thanh	Thanh	26/03/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	004	<u>Thanh</u>	
5	114521041	Trần Thị Thanh	Thảo	29/11/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	005	<u>Thanh</u>	
6	114521042	Đoàn Ngọc	Thảo	08/12/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	006	<u>Thảo</u>	
7	114521044	Ngô Thị Hồng	Thơ	09/11/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	007	<u>Thơ</u>	
8	114521047	Đinh Ngọc Anh	Thư	23/03/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	008	<u>Thư</u>	
9	114521049	Lê Thị Lệ	Thương	27/05/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	009	<u>Lệ</u>	
10	114521055	Phan Ngọc	Trâm	08/08/2003	Nữ	7,5	2,8	5,2	010	<u>Phan</u>	
11	114521056	Lê Huỳnh	Trân	21/04/2003	Nữ	7,5	-	-	-	-	vắng
12	114521057	Nguyễn Anh	Trí	11/09/2002	Nữ	-	-	-	-	-	vắng
13	114521059	Trương Tú	Trình	11/09/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	013	<u>Trình</u>	
14	114521060	Ngô Thanh	Truyền	16/12/2003	Nam	8,5	3,5	6,0	014	<u>Truyền</u>	
15	114521063	Nguyễn Thị Tường	Vi	10/09/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	015	<u>Vi</u>	
16	114521064	Trần Nguyễn Tường	Vy	22/04/2003	Nữ	7,5	2,8	5,2	016	<u>Vy</u>	
17	114521066	Trần Thị Mai	Xuân	11/12/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	017	<u>Xuân</u>	
18	114521067	Lâm Thị Mỹ	Xuyên	30/06/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	018	<u>Mỹ</u>	
19	114521077	Lâm Gia	Bảo	16/08/2003	Nam	7,5	2,0	4,8	019	<u>Bảo</u>	
20	114521153	Thạch Thị Thu	Hương	18/04/2003	Nữ	-	-	-	-	-	vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17Tổng số tờ: 17Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương LanĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21TCNHA

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16 / 6 / 2022

Phòng thi: D.71 10.5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114521154	Đinh Ngọc Thư	10/10/2003	Nữ	7,5 ⁸	3,8	5,7	021	Tk		7,5
2	114521155	Nguyễn Kim Gia Phụng	05/03/2003	Nữ	8,5	4,3	6,9	022	nat	83/63	7,5
3	114521157	Trần Trung Kiên	19/02/2003	Nam	7,5 ⁸	3,0	5,3	023	u		7,5

Tổng số sv, hs trên danh sách: 30

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 3

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 3

Tổng số tờ: 3

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Pon Pon La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21XDGT

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/6/2022

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116821002	Nguyễn Huỳnh Tiến Đạt	05/04/2003	Nam	✓	✓	✓	✓	✓		✓
2	116821003	Nguyễn Chí Khang	26/11/2003	Nam	7.8	4.5	6.2	002	✓		
3	116821004	Nguyễn Hoàng Luân	08/02/2003	Nam	7.8	3.5	5.7	003	✓		
4	116821006	Trần Thị Thanh Thi	04/01/2003	Nữ	7.8	5.5	6.7	004	✓		
5	116821007	Bùi Hoàng Quý	05/05/2003	Nam	7.8	4.5	6.2	005	✓		
6	116821010	Phạm Vĩnh Tường	01/06/2003	Nam	✓	✓	✓	✓	✓		✓
7	116821011	Tô Như Ý	08/09/2003	Nữ	8.5	4.0	6.3	007	✓		
8	116821012	Võ Nguyễn Thảo Vy	30/05/2003	Nữ	7.8	3.0	5.4	008	✓		
9	116821013	Diệp Gia Huy	29/05/2003	Nam	7.8	3.8	5.8	009	✓		
10	116821014	Lê Trọng Nhân	07/11/2003	Nam	7.8	4.0	5.9	010	✓		
11	116821021	Lê Tuấn Dũng	29/08/2003	Nam	8.3	6.3	7.3	011	✓		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm:

Phạm Hồng Sang

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21TCNHB

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....16...../.....6...../.....2022.....

Phòng thi:.....D71.106.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114521015	Huỳnh Thị Thảo	Linh	28/04/2002	Nữ	7,5	4,8	6,2	002	Thảo	Vậy
2	114521068	Đoàn Hồng	Ngọc	14/10/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	002	Hồng	Vậy
3	114521069	Từ Hà Nhật	Tân	29/01/2003	Nam	7,5	4,8	6,2	002	Thảo	Vậy
4	114521072	Nguyễn Thị Ngọc	Thiện	18/11/2003	Nữ	8,0	4,8	6,4	004	Thảo	Vậy
5	114521075	Nguyễn Thị Mộng	Thùy	12/07/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	005	Thảo	Vậy
6	114521076	Võ Thị Kiều	Oanh	01/11/2001	Nữ	7,5	3,3	5,4	006	Thảo	Vậy
7	114521078	Lê Tiểu	My	02/08/2002	Nữ	8,0	6,8	7,4	007	Thảo	Vậy
8	114521080	Võ Lê Thảo	Ngân	04/04/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	008	Thảo	Vậy
9	114521083	Nguyễn Hồng	Ngọc	13/02/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	009	Thảo	Vậy
10	114521085	Biện Gia	Huy	29/06/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	011	Thảo	Vậy
11	114521086	Phan Thị Mỹ	Huyền	15/03/2002	Nữ	7,5	4,0	5,8	011	Thảo	Vậy
12	114521087	Phùng Quốc	Khánh	23/02/2003	Nam	7,0	4,0	5,5	011	Thảo	Vậy
13	114521088	Lê Ngọc Nguyễn	Như	18/10/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	011	Thảo	Vậy
14	114521089	Huỳnh Thanh	Ngân	14/08/2002	Nữ	7,5	4,0	5,8	011	Thảo	Vậy
15	114521091	Trần Thái	Nhân	12/11/2003	Nam	7,5	3,3	5,4	015	Thảo	Vậy
16	114521093	Ngô Thanh	Thủy	07/06/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	016	Thảo	Vậy
17	114521106	Dương Gia	Trưởng	23/11/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	017	Thảo	Vậy
18	114521108	Huỳnh Thị Thảo	Ngân	25/06/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	011	Thảo	Vậy
19	114521109	Nguyễn Trương Như	Ý	13/07/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	011	Thảo	Vậy
20	114521112	Nguyễn Ngọc	Thư	17/12/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	020	Thảo	Vậy

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....12.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....12.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Lê Thị Thúy Dương

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 03..... tháng 8..... năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....

Pon Pon La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (42 -)/DA21TCNHB

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: Trial nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

16/6/2022

Phòng thi: 071 107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh
1	114521115	Ngô Ngọc Duyên	22/05/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	001	<u>Ngô</u>		
2	114521116	Nguyễn Lương Phương Đông	25/06/2003	Nam	—	—	—	—	—		
3	114521117	Đỗ Thanh Hương	27/04/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	003	<u>Thanh</u>		
4	114521118	Ngô Thị Thiên Kim	28/10/2003	Nữ	7,8	4,0	5,9	004	<u>Thiên</u>		
5	114521120	Trần Ngọc Bảo Nghi	06/10/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	005	<u>Trần</u>		
6	114521122	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	02/12/2003	Nữ	7,5	2,8	5,2	006	<u>Trần</u>		
7	114521124	Nguyễn Huỳnh Như	09/01/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
8	114521126	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	25/11/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	008	<u>Nhi</u>		
9	114521128	Nguyễn Như Anh	15/09/2003	Nữ	8,0	2,3	5,2	009	<u>Anh</u>		
10	114521132	Trần Thị Ân Ân	29/01/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
11	114521134	Trần Thảo Quyên	24/03/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	011	<u>Trần</u>		
12	114521139	Trần Thị Anh Thư		Nữ	—	—	—	—	—		
13	114521140	Thái Thị Tường Vi	29/11/2003	Nữ	7,5	5,8	6,7	013	<u>Trần</u>		
14	114521144	Đặng Thị Hồng Thúy	11/03/2003	Nữ	7,5	5,3	6,4	014	<u>Thúy</u>		
15	114521146	Trần Bích Trân	15/10/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	015	<u>Trần</u>		
16	114521147	Âu Thành Phát	16/07/2003	Nam	7,5	5,3	6,4	016	<u>Phát</u>		
17	114521148	Trần Vũ Trường	13/08/2003	Nam	8,8	—	—	—	—		
18	114521149	Nguyễn Ngọc Yến	19/11/2003	Nữ	7,8	3,5	5,7	018	<u>Yến</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Phạm Huỳnh Vĩnh Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Phạm Vĩnh Nghiệp

Phạm Vĩnh Nghiệp

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21DT phòng D71.103, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	115221002	Hà Huy Bằng	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_001	DA21DT	15	3.75	
2	115221007	Lương Gia Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_002	DA21DT	16	4	
3	115221012	Lâm Quốc Kiên	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_003	DA21DT	14	3.5	
4	115221013	Dương Tấn Lộc	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_004	DA21DT	20	5	
5	115221015	Lê Thị Trúc Ly	2002	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_005	DA21DT	23	5.75	
6	115221016	Mai Thiện Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_006	DA21DT	17	4.25	
7	115221018	Trương Thanh Phong	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_007	DA21DT	21	5.25	
8	115221019	Nguyễn Trọng Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_008	DA21DT	20	5	
9	115221020	Tạ Trường Thịnh	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_009	DA21DT	16	4	
10	115221021	Hứa Văn Quách Tinh	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_010	DA21DT	25	6.25	
11	115221022	Trần Văn Vũ	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_011	DA21DT	0	0	
12	115221023	Lý Gia Kiệt	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_012	DA21DT	0	0	
13	115221024	Lê Tấn Lộc	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_013	DA21DT	17	4.25	
14	115221026	Trần Võ Anh Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_014	DA21DT	10	2.5	
15	115221027	Đỗ Huỳnh Quốc Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_015	DA21DT	0	0	
16	115221028	Hà Phước Lộc	2002	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_016	DA21DT	19	4.75	
17	115221030	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_017	DA21DT	17	4.25	
18	115221031	Võ Hồng Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_018	DA21DT	0	0	
19	115221037	Nguyễn Phú Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_019	DA21DT	16	4	
20	115221038	Huỳnh Lê Phước Đạt	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_020	DA21DT	0	0	
21	115221039	Nguyễn Phúc Hậu	2003	LLCT-THM-L-DA21DT-D71.103-T160622_021	DA21DT	16	4	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21TCNHA phòng D71.104, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Gh
1	114521001	Hồ Văn Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_001	DA21TCNHA	17	4.25	
2	114521003	Nguyễn Khánh Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_002	DA21TCNHA	14	3.5	
3	114521005	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_003	DA21TCNHA	16	4	
4	114521008	Đặng Quốc Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_004	DA21TCNHA	13	3.25	
5	114521012	Dương Ngọc Lan	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_005	DA21TCNHA	18	4.5	
6	114521013	Nguyễn Gia Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_006	DA21TCNHA	16	4	
7	114521014	Lê Thị Cẩm Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_007	DA21TCNHA	0	0	
8	114521021	Phan Hoài Nam	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_008	DA21TCNHA	11	2.75	
9	114521022	Lê Thị Thuý Nga	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_009	DA21TCNHA	17	4.25	
10	114521023	Lê Thị Tuyết Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_010	DA21TCNHA	0	0	
11	114521024	Trần Kim Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_011	DA21TCNHA	14	3.5	
12	114521025	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_012	DA21TCNHA	16	4	
13	114521026	Diệp Hồng Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_013	DA21TCNHA	19	4.75	
14	114521027	Phan Linh Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_014	DA21TCNHA	18	4.5	
15	114521029	Nguyễn Lê Uyên Nhi	2002	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_015	DA21TCNHA	14	3.5	
16	114521030	Lâm Ngọc Quỳnh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_016	DA21TCNHA	12	3	
17	114521031	Phạm Hồng Nhung	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_017	DA21TCNHA	17	4.25	
18	114521033	Nguyễn Thị Yến Pha	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_018	DA21TCNHA	16	4	
19	114521034	Lê Trúc Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_019	DA21TCNHA	21	5.25	
20	114521035	Huỳnh Thị Diễm Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.104-T160622_020	DA21TCNHA	16	4	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21TCNHA phòng D71.105, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	114521036	Khuru Trần Sĩ Quý	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_001	DA21TCNHA	16	4	
2	114521038	Nguyễn Thành Tấn	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_002	DA21TCNHA	13	3.25	
3	114521039	Nguyễn Thị Kim Thanh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_003	DA21TCNHA	15	3.75	
4	114521040	Cao Thanh Thanh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_004	DA21TCNHA	12	3	
5	114521041	Trần Thị Thanh Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_005	DA21TCNHA	12	3	
6	114521042	Đoàn Ngọc Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_006	DA21TCNHA	16	4	
7	114521044	Ngô Thị Hồng Thơ	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_007	DA21TCNHA	13	3.25	
8	114521047	Đinh Ngọc Anh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_008	DA21TCNHA	16	4	
9	114521049	Lê Thị Lệ Thương	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_009	DA21TCNHA	12	3	
10	114521055	Phan Ngọc Trâm	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_010	DA21TCNHA	11	2.75	
11	114521056	Lê Huỳnh Trần	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_011	DA21TCNHA	0	0	
12	114521057	Nguyễn Anh Trí	2002	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_012	DA21TCNHA	0	0	
13	114521059	Trương Tú Trinh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_013	DA21TCNHA	13	3.25	
14	114521060	Ngô Thanh Truyền	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_014	DA21TCNHA	14	3.5	
15	114521063	Nguyễn Thị Tường Vi	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_015	DA21TCNHA	14	3.5	
16	114521064	Trần Nguyễn Tường Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_016	DA21TCNHA	11	2.75	
17	114521066	Trần Thị Mai Xuân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_017	DA21TCNHA	19	4.75	
18	114521067	Lâm Thị Mỹ Xuyên	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_018	DA21TCNHA	18	4.5	
19	114521077	Lâm Gia Bảo	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_019	DA21TCNHA	8	2	
20	114521153	Thạch Thị Thu Hương	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_020	DA21TCNHA	0	0	
21	114521154	Đinh Ngọc Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_021	DA21TCNHA	15	3.75	
22	114521155	Nguyễn Kim Gia Phụng	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_022	DA21TCNHA	17	4.25	
23	114521157	Trần Trung Kiên	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHA-D71.105-T160622_023	DA21TCNHA	12	3	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21TCNHB phòng D71.106, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	C
1	114521015	Huỳnh Thị Thảo Linh	2002	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_001	DA21TCNHB	0	0	
2	114521068	Đoàn Hồng Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_002	DA21TCNHB	19	4.75	
3	114521069	Từ Hà Nhật Tân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_003	DA21TCNHB	0	0	
4	114521072	Nguyễn Thị Ngọc Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_004	DA21TCNHB	19	4.75	
5	114521075	Nguyễn Thị Mộng Thùy	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_005	DA21TCNHB	15	3.75	
6	114521076	Võ Thị Kiều Oanh	2001	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_006	DA21TCNHB	13	3.25	
7	114521078	Lê Tiểu My	2002	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_007	DA21TCNHB	27	6.75	
8	114521080	Võ Lê Thảo Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_008	DA21TCNHB	15	3.75	
9	114521083	Nguyễn Hồng Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_009	DA21TCNHB	13	3.25	
10	114521085	Biện Gia Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_010	DA21TCNHB	0	0	
11	114521086	Phan Thị Mỹ Huyền	2002	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_011	DA21TCNHB	16	4	
12	114521087	Phùng Quốc Khánh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_012	DA21TCNHB	0	0	
13	114521088	Lê Ngọc Nguyễn Như	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_013	DA21TCNHB	0	0	
14	114521089	Huỳnh Thanh Ngân	2002	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_014	DA21TCNHB	0	0	
15	114521091	Trần Thái Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_015	DA21TCNHB	13	3.25	
16	114521093	Ngô Thanh Thủy	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_016	DA21TCNHB	18	4.5	
17	114521106	Dương Gia Trường	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_017	DA21TCNHB	18	4.5	
18	114521108	Huỳnh Thị Thảo Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_018	DA21TCNHB	0	0	
19	114521109	Nguyễn Trương Như Ý	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_019	DA21TCNHB	0	0	
20	114521112	Nguyễn Ngọc Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.106-T160622_020	DA21TCNHB	17	4.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21TCNHB phòng D71.107, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	114521115	Ngô Ngọc Duyên	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_001	DA21TCNHB	15	3.75	
2	114521116	Nguyễn Lương Phương Đông	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_002	DA21TCNHB	0	0	
3	114521117	Đỗ Thanh Hương	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_003	DA21TCNHB	18	4.5	
4	114521118	Ngô Thị Thiên Kim	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_004	DA21TCNHB	16	4	
5	114521120	Trần Ngọc Bảo Nghi	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_005	DA21TCNHB	15	3.75	
6	114521122	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_006	DA21TCNHB	11	2.75	
7	114521124	Nguyễn Huỳnh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_007	DA21TCNHB	0	0	
8	114521126	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_008	DA21TCNHB	18	4.5	
9	114521128	Nguyễn Như Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_009	DA21TCNHB	9	2.25	
10	114521132	Trần Thị Ân Ân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_010	DA21TCNHB	0	0	
11	114521134	Trần Thảo Quyên	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_011	DA21TCNHB	15	3.75	
12	114521139	Trần Thị Anh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_012	DA21TCNHB	0	0	
13	114521140	Thái Thị Tường Vi	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_013	DA21TCNHB	23	5.75	
14	114521144	Đặng Thị Hồng Thúy	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_014	DA21TCNHB	21	5.25	
15	114521146	Trần Bích Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_015	DA21TCNHB	16	4	
16	114521147	Âu Thành Phát	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_016	DA21TCNHB	21	5.25	
17	114521148	Trần Vũ Trường	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_017	DA21TCNHB	0	0	
18	114521149	Nguyễn Ngọc Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21TCNHB-D71.107-T160622_018	DA21TCNHB	14	3.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21XD phòng D71.108, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	G
1	111721001	Từ Trọng Đạt	2002	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_001	DA21XD	0	0	
2	111721002	Đỗ Trí Đông	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_002	DA21XD	13	3.25	
3	111721003	Nguyễn Trường Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_003	DA21XD	0	0	
4	111721004	Trần Hải Hưng	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_004	DA21XD	0	0	
5	111721005	Võ Nguyễn Gia Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_005	DA21XD	8	2	
6	111721006	Nguyễn Tuấn Kha	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_006	DA21XD	14	3.5	
7	111721007	Trần Chí Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_007	DA21XD	17	4.25	
8	111721008	Lý Quốc Khánh	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_008	DA21XD	0	0	
9	111721009	Trần Tuấn Kiệt	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_009	DA21XD	14	3.5	
10	111721010	Cao Văn Mãi	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_010	DA21XD	10	2.5	
11	111721011	Lâm Phương Nam	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_011	DA21XD	13	3.25	
12	111721012	Nguyễn Hoài Ngoan	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_012	DA21XD	15	3.75	
13	111721013	Thạch Anh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_013	DA21XD	12	3	
14	111721014	Thạch Rac Sa	2000	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_014	DA21XD	9	2.25	
15	111721015	Thạch Ra Si	2001	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_015	DA21XD	15	3.75	
16	111721016	Trần Triệu Tân	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_016	DA21XD	18	4.5	
17	111721017	Diệp Bích Thanh	1999	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_017	DA21XD	21	5.25	
18	111721018	Thạch Ngọc Thê	2002	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_018	DA21XD	0	0	
19	111721020	Phan Huỳnh Thanh Tiến	2001	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_019	DA21XD	0	0	
20	111721022	Nguyễn Tấn Vinh	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.108-T160622_020	DA21XD	11	2.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21XD phòng D71.109, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	111721024	Mai Bảo Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_001	DA21XD	21	5.25	
2	111721025	Nguyễn An Khánh	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_002	DA21XD	0	0	
3	111721026	Mã Minh Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_003	DA21XD	8	2	
4	111721027	Kim Thanh Nhật	2002	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_004	DA21XD	0	0	
5	111721028	Sơn Khem Ma Ra	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_005	DA21XD	15	3.75	
6	111721029	Lâm Hà Huy Hùng	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_006	DA21XD	0	0	
7	111721031	Lê Minh Kha	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_007	DA21XD	16	4	
8	111721032	Thạch Minh Châu	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_008	DA21XD	0	0	
9	111721033	Châu Quốc Bảo	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_009	DA21XD	0	0	
10	111721034	Trần Dương Tuấn Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_010	DA21XD	14	3.5	
11	111721035	Mai Quang Đại	2002	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_011	DA21XD	10	2.5	
12	111721036	Ngô Kim Bảo	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_012	DA21XD	14	3.5	
13	111721052	Trịnh Hoàng Minh	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_013	DA21XD	19	4.75	
14	111721053	Kim Trọng	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_014	DA21XD	15	3.75	
15	111721054	Huỳnh Dư Hoài	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_015	DA21XD	0	0	
16	111721056	Nguyễn Trường Kha	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_016	DA21XD	16	4	
17	111721057	Thái Minh Thiện	1997	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_017	DA21XD	0	0	
18	111721058	Trần Việt Hào	2000	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_018	DA21XD	10	2.5	
19	111721059	Đặng Minh Quang	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_019	DA21XD	12	3	
20	111721060	Nguyễn Trần Nhị Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21XD-D71.109-T160622_020	DA21XD	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21XDGT phòng D71.110, buổi Tối ngày 16/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	GI
1	116821002	Nguyễn Huỳnh Tiến Đạt	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_001	DA21XDGT	0	0	
2	116821003	Nguyễn Chí Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_002	DA21XDGT	18	4.5	
3	116821004	Nguyễn Hoàng Luân	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_003	DA21XDGT	14	3.5	
4	116821006	Trần Thị Thanh Thi	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_004	DA21XDGT	22	5.5	
5	116821007	Bùi Hoàng Quý	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_005	DA21XDGT	18	4.5	
6	116821010	Phạm Vĩnh Tường	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_006	DA21XDGT	0	0	
7	116821011	Tô Như Ý	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_007	DA21XDGT	16	4	
8	116821012	Võ Nguyễn Thảo Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_008	DA21XDGT	12	3	
9	116821013	Diệp Gia Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_009	DA21XDGT	15	3.75	
10	116821014	Lê Trọng Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_010	DA21XDGT	16	4	
11	116821021	Lê Tuấn Dũng	2003	LLCT-THM-L-DA21XDGT-D71.110-T160622_011	DA21XDGT	25	6.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2